

**TAND HUYỆN ST
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 08/10/2019

V/v: Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ST, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Sang Sử.
2. Bà Cao Thị Kim Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đồng Việt Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 08/2019/TLST- HNGĐ ngày 03/7/2019 về “Ly hôn tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đinh Văn T, sinh năm 1976, có mặt;

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1978, vắng mặt lần thứ hai không lý do;

Đều trú tại: Đội I, thôn NK, xã STinh, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn anh Trinh trình bày:** Anh và Chị Nguyễn Thị P tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/1997, tại UBND xã SL (nay là Thị Trấn DL), huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình của vợ chồng không

hợp, thường xuyên cãi vã, chị P có lúc cờ bạc không lo làm ăn, chăm sóc gia đình, tự ý lấy xe máy, xe ô tô và vườn keo của gia đình đem bán lấy tiền tiêu xài. Nhiều lần anh T và cha mẹ anh đã khuyên ngăn nhưng chị P vẫn không chịu nghe. Khiến cuộc sống của vợ chồng luôn căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau. Anh xác định giữa anh và chị P tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Đinh Văn T1, sinh ngày 24/11/1997 và Đinh Thị Kim T2, sinh ngày 16/12/2002. Hiện nay cháu Đinh Văn T1 đã trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động, có công ăn việc làm ổn định không yêu cầu Tòa giải quyết về vấn đề nuôi cháu và cấp dưỡng. Đối với cháu Đinh Thị Kim T2 chưa đủ 18 tuổi, đang ở với bà nội, anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T2, không yêu cầu chị Nguyễn Thị P phải cấp dưỡng.

Trường hợp cháu Đinh Thị Kim T2 có nguyện vọng ở với mẹ, Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu T2, anh Đinh Văn T đồng ý và có nghĩa vụ cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ vay chung: Không có nợ vay chung không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Về phía bị đơn:** Sau khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị P vẫn không có mặt. Tòa án đã trực tiếp tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị P theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị P từ chối nhận và không có mặt tại Tòa. Vì vậy, Tòa án không lấy lời khai của chị P được và không tiến hành phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên qua tài liệu do nguyên đơn cung cấp và qua biên bản xác minh tại xóm, xã nơi cư trú của chị P thì tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn, con chung và ly thân giữa anh T với chị P đúng như anh T trình bày.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì.

Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân & gia đình tuyên xử cho anh Đinh Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo nguyện vọng của cháu T2 và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T2 của anh T đã nêu.
- Về tài sản chung và nợ vay chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của anh Đình Văn T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự: Đây là vụ án Hôn nhân & gia đình Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ST theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Phượng và anh Trinh, yêu cầu anh T, chị P có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nhưng chị P không có mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Ngày 04/9/2019, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 18 tháng 9 năm 2019, anh T có mặt, chị P vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án có văn bản tố tụng phiên tòa lần thứ hai tổng đạt trực tiếp cho các bên đương sự, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh T có mặt, chị P tiếp tục vắng mặt không có lý do. Như vậy, chị P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa anh T với chị P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã SL, huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Song xét thực tế cuộc sống chung của vợ chồng thì thấy thời gian từ năm 2010 đến nay giữa anh T, chị P không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, chị P tự ý đem tài sản chung ra bán, mặc dù anh T đã can ngăn nhưng chị P vẫn không chịu nghe. Do mâu thuẫn của vợ chồng đã xảy ra liên tục và thực sự căng thẳng nên đã ly thân từ năm 2013 đến nay không ai còn quan tâm với nhau nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T với chị P đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, việc anh Đình Văn T yêu

cầu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị P là có cơ sở. Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân & gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Đinh Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Đinh Văn T1, sinh ngày 24/11/1997 và Đinh Thị Kim T2, sinh ngày 16/12/2002. Hiện nay cháu T1 đã đến tuổi thành niên, còn cháu T2 còn ở trong độ tuổi vị thành niên. Quá trình xây dựng hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, anh T có nguyện vọng được nuôi cháu T2, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng nếu chị P có nguyện vọng nuôi cháu T2 và cháu T2 có nguyện vọng muốn ở với mẹ thì anh T cũng đồng ý giao cháu T2 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T2 là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*)/ tháng cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

Xét thấy, anh T sống bằng nghề phụ xe trên tuyến đường dài nay đây, mai đó, ít có điều kiện gần gũi để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tâm; còn chị P ở nhà sống bằng nghề buôn bán có điều kiện hơn. Tuy nhiên hiện nay cháu T2 đang sống ở phía nội nhưng lâu nay chị P hàng tháng vẫn cung cấp tiền, gạo cho cháu T2 ăn học. Tại biên bản làm việc ngày 05/8/2019 nguyện vọng của cháu T2 muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn và tại phiên tòa anh T cũng đồng ý. Vì vậy cần giao cháu Đinh Thị Kim T2 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với pháp luật. Đối với cháu Đinh Văn T1 đã đến tuổi thành niên nên không xem xét việc nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng: Ghi nhận việc anh Đinh Văn T tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng để nuôi cháu Đinh Thị Kim T2, sinh ngày 16/12/2002 cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản chung, nợ vay chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời quá trình giải quyết vụ án chị P vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu của đương sự.

[6] Về án phí: Anh Đinh Văn T phải chịu tiền án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Anh Đinh Văn T với chị Nguyễn Thị P; xử cho Anh Đinh Văn T được ly hôn với Chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Đinh Thị Kim T2, sinh ngày 16/12/2002 cho Chị Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Anh Đinh Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T2 số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

Anh Đinh Văn T không trực tiếp nuôi cháu Tâm được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu T2 không ai được cản trở. Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, thay đổi mức cấp dưỡng thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ vay chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời quá trình giải quyết vụ án chị P vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu của đương sự.

4 Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi (Biên lai số: AA/2016/0004961, ngày 02/7/2019), anh Trinh đã nộp đủ án phí.

5. Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đinh Văn T phải chịu 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt; nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện ST;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã STinh, h ST;
- UBND TT DL, h SH;
- Chi cục THADS huyện ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Văn Phước

